

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ MỸ THO  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-ST

Ngày 21-5-2020

V/v tranh chấp "Ly hôn"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Sắc Ly.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Lê Văn Kiệt.
- Ông Nguyễn Tất Ái.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Cao Thị Trúc Linh - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 21 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 46/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra **xét xử số 47/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:**

**Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thu **Th**, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: Số B, ấp H, xã T, thành phố M, tỉnh T.

**Bị đơn:** Anh Dương Văn **Ch**, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Phước Hòa, xã Phước Thạnh, tp. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu **Th** trình bày:

Chị và anh **Ch** quen biết, tìm hiểu và tổ chức lễ cưới năm 1992, nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo qui định pháp luật. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 1998 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Cả hai đã nhiều lần giải quyết mâu thuẫn nhưng không được. Chị và anh **Ch**

đã ly thân từ năm 1998 đến nay. Nay, chị cảm thấy tình cảm không còn và mục đích hôn nhân không đạt được, nên làm đơn yêu cầu Tòa án xem xét:

- Về hôn nhân: Yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với Dương Văn **Ch**.
- Về con chung: Có 01 con chung tên Dương Thị Thu **H**, sinh năm 1994. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Dương Văn **Ch**: đã được toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật nhưng vẫn không có ý kiến gì và không có mặt để dự phiên toà mà không có lý chính đáng.

#### Tại phiên tòa:

Chị Nguyễn Thị Thu **Th** vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu.

#### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thu **Th** và anh Dương Văn **Ch** chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn. Ngày 03/02/2020 chị **Th** khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh **Ch**, Hình thức và nội dung đơn khởi kiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Dương Văn **Ch** thường trú tại địa chỉ ấp P, xã PH, **TP M, tỉnh T**, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

Bị đơn anh Dương Văn **Ch** vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh **Ch** theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về chứng cứ chứng minh: Xét thấy, anh **Ch** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng, thông báo về kết quả hòa giải và công khai các chứng cứ, nhưng không có ý kiến gì về các chứng cứ và yêu cầu khởi kiện của chị **Th**. Nên căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án căn cứ vào những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn để giải quyết, được xem xét là những tình tiết sự kiện không phải chứng minh.

[3] Về quan hệ hôn nhân: xét thấy, chị **Th** và anh **Ch** chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 và có với nhau 01 con chung, nhưng không đăng ký kết hôn. Tại phiên tòa, chị **Th** vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh **Ch**. Phía anh **Ch** không trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị **Th**. Hội đồng xét xử nhận định, do quan hệ hôn nhân giữa chị **Th** và anh **Ch** không thực hiện đăng ký kết hôn theo qui định pháp luật nên quan hệ hôn nhân này không được pháp luật thừa nhận, nay chị **Th** có yêu cầu ly hôn. Căn cứ vào Điều 14

Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án không công nhận chị Nguyễn Thị Thu **Th** và anh Dương Văn **Ch** là vợ chồng.

[4]Về con chung: Có 01 con chung tên Dương Thị Thu **H**, sinh năm 1994, do con chung đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết về con chung.

[5]Về tài sản chung: Do **Th** xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét giải quyết.

[6]Về nợ chung: Do chị **Th** xác định không có nợ chung, và không ai yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung. Nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị **Th** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu **Th**.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị Thu **Th** và anh Dương Văn **Ch** là vợ chồng.

- Về con chung: Con chung Dương Thị Thu **H**, sinh năm 1994 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu **Th** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị **Th** đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000995 ngày 03/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, nên xem như đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị **Th** có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh **Ch** có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9

Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phạm Thị Sắc Ly**

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa

